

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/ HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2023

V/v: Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Chương và Ông Đoàn Xuân Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST- HNGĐ ngày 25/4/2023 tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn ĐV, xã ĐĐ, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tr, sinh năm: 1975; địa chỉ: Thôn ĐV, xã ĐĐ, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2023, bản tự khai tại hồ sơ và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S kết hôn với ông Nguyễn Tr trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc và đăng ký kết hôn vào 17/11/2004 tại UBND xã ĐĐ, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng

về chung sống với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng lấy nhau nhiều năm mà không có con, mặt khác do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2013 đến nay. Bà Nguyễn Thị S xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị S trình bày vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nợ chung: Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Tr theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ đã phối hợp với chính quyền địa phương xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ trực tiếp đến nhà tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho ông Nguyễn Tr, nhưng ông Tr không ở nhà nên Tòa án giao cho bố để ông Tr là ông Nguyễn Văn S nhận thay và ông S đồng ý chịu trách nhiệm giao lại cho ông Tr.

Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 28/7/ 2023 ông Tr vắng mặt nên tòa án hoãn phiên tòa; tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Tr vắng mặt lần thứ hai không có lý do; bà Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Tr đã được Tòa án triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Tr vắng mặt không có lý do là không chấp hành nghiêm túc quy định pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà Nguyễn Thị S được ly hôn ông Nguyễn Tr.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về tài sản và nợ chung: Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là quan hệ tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” quy định tại Khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1978 và bị đơn ông Nguyễn Tr, sinh năm: 1975; cùng địa chỉ: Thôn ĐV, xã ĐĐ, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác, nhưng ông Nguyễn Tr không có mặt tại Tòa án gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Ngày 28 tháng 7 năm 2023 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, bị đơn ông Nguyễn Tr vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Tr vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Nguyễn Tr.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị S kết hôn với ông Nguyễn Tr trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị lừa dối hay ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 17/11/2004. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của bà S và ông Tr do UBND xã ĐĐ, huyện Đức Thọ cấp và bà S giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX xác định hôn nhân như vậy là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng mà không có sự quan tâm nhau. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Tr để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa nhưng ông Tr đều vắng mặt chứng tỏ ông Tr không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không. Điều đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Nguyễn Thị S ly hôn ông Nguyễn Tr theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Tr có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- 1. Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị S ly hôn ông Nguyễn Tr.**
- 2. Bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Bà S đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0013178 ngày 24/4/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.**
- 3. Bà Nguyễn Thị S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.**

Nơi nhận:

- VKS huyện Đức Thọ;
- VKS tỉnh Hà Tĩnh;
- Tòa án tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- THADS huyện Đức Thọ;
- UBND xã Đức Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Trọng